

**BẢO CẤP**

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG**

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

**MỤC LỤC**

|                                                                                                                              | <b>Trang</b>   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| <b>1. Mục lục</b>                                                                                                            | <b>1</b>       |
| <b>2. Báo cáo của Tổng Giám đốc</b>                                                                                          | <b>2 - 4</b>   |
| <b>3. Báo cáo soát xét</b>                                                                                                   | <b>5</b>       |
| <b>4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>                                                     | <b>6 - 9</b>   |
| <b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</b> | <b>10</b>      |
| <b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>           | <b>11 - 12</b> |
| <b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>    | <b>13 - 33</b> |

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được soát xét.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013346 ngày 31 tháng 7 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung 10 lần Đăng ký kinh doanh thay đổi. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102005769 ngày 01 tháng 11 năm 2012.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 10: 264.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
Điện thoại : 04 3.577 1983  
Fax : 04 3.577 1985  
Email : info@apec.com.vn  
Mã số thuế : 0102005769

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Dịch vụ tư vấn trong và ngoài nước (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính);
- Tư vấn, môi giới, kinh doanh Bất động sản (Không bao gồm tư vấn về giá đất);
- Tư vấn về quản lý kinh doanh, chiến lược kinh doanh;
- Nghiên cứu, phân tích thị trường;
- Tư vấn mua, bán, sáp nhập doanh nghiệp, cổ phần hóa (Không bao gồm tư vấn luật, tài chính);
- Tư vấn lập và quản lý dự án đầu tư (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình, tư vấn pháp luật, tài chính);
- Dịch vụ môi giới xúc tiến thương mại;
- Dịch vụ tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo, triển lãm;
- Dịch vụ quan hệ công chúng;
- Quảng cáo thương mại và phi thương mại;
- Dịch vụ đánh giá hiệu quả kinh tế dự án;
- Dịch vụ cầm đồ;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bảo hiểm;
- Xây dựng dân dụng, giao thông thủy lợi;
- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch; kinh doanh khách sạn; kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Đại lý bán vé máy bay, vé tàu hỏa, vé xe Bus, tour du lịch;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng và theo tuyến cố định;
- Sản xuất mua bán, khai thác, chế biến và vận tải các loại khoáng sản (trừ những loại khoáng sản nhà nước cấm);
- Bốc xúc đất đá và khai thác mỏ (theo quy định của pháp luật hiện hành);
- Xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông, cảng hàng không.

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG**

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 33).

### **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

| Họ và tên             | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm       |
|-----------------------|------------|---------------------|
| Ông Nguyễn Đỗ Lăng    | Chủ tịch   | 31 tháng 7 năm 2006 |
| Ông Nguyễn Duy Khanh  | Thành viên | 31 tháng 7 năm 2006 |
| Bà Huỳnh Thị Mai Dung | Thành viên | 31 tháng 7 năm 2006 |
| Ông Đặng Anh Tuấn     | Thành viên | 28 tháng 5 năm 2010 |
| Ông Trần Vũ Phương    | Thành viên | 02 tháng 6 năm 2013 |
| Ông Đào Ngọc Thanh    | Thành viên | 22 tháng 3 năm 2014 |
| Ông David Roes        | Thành viên | 22 tháng 3 năm 2014 |

#### **Ban kiểm soát**

| Họ và tên         | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm       |
|-------------------|------------|---------------------|
| Lã Thị Quy        | Trưởng ban | 18 tháng 6 năm 2010 |
| Phạm Hoài Phương  | Thành viên | 18 tháng 6 năm 2010 |
| Vũ Thị Phương Anh | Thành viên | 01 tháng 4 năm 2013 |

#### **Tổng Giám đốc**

| Họ và tên            | Ngày bổ nhiệm       |
|----------------------|---------------------|
| Ông Nguyễn Duy Khanh | 15 tháng 6 năm 2007 |

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG**  
**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Duy Khanh**

Ngày 28 tháng 8 năm 2014

815  
NH  
NG  
HIỆM  
DÂN V  
&  
I HÀ  
ĐA -



**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C**  
**A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Hà Nội : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Hà Nội City  
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Cần Thơ City  
[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

Số: 390/2014/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2014, từ trang 06 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

**Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1708-2013-008-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                             | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>121.104.859.538</b> | <b>136.501.326.056</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>2.436.181.954</b>   | <b>5.693.063.573</b>   |
| 1. Tiền                                             | 111        |             | 2.436.181.954          | 4.193.063.573          |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                      | 1.500.000.000          |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>      | <b>120</b> |             | <b>37.485.904.810</b>  | <b>52.200.452.300</b>  |
| 1. Đầu tư ngắn hạn                                  | 121        | V.2         | 39.941.833.810         | 55.571.216.300         |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn                | 129        | V.3         | (2.455.929.000)        | (3.370.764.000)        |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>60.734.225.828</b>  | <b>56.963.101.176</b>  |
| 1. Phải thu khách hàng                              | 131        | V.4         | 213.477.095            | 213.477.095            |
| 2. Trả trước cho người bán                          | 132        | V.5         | 17.015.710.762         | 16.799.285.856         |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Các khoản phải thu khác                          | 135        | V.6         | 43.718.515.066         | 40.163.815.320         |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 139        | V.7         | (213.477.095)          | (213.477.095)          |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>1.532.697.092</b>   | <b>696.237.395</b>     |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.8         | 1.532.697.092          | 696.237.395            |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>18.915.849.854</b>  | <b>20.948.471.612</b>  |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        |             | -                      | -                      |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 3.247.177.881          | 3.002.961.501          |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 154        |             | -                      | -                      |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 157        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 158        | V.9         | 15.668.671.973         | 17.945.510.111         |





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

| <b>TÀI SẢN</b>                                | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>Số đầu năm</b>      |
|-----------------------------------------------|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b>   |                    | <b>340.252.932.354</b> | <b>293.217.186.271</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>          | <b>210</b>   |                    | -                      | -                      |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng            | 211          |                    | -                      | -                      |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc     | 212          |                    | -                      | -                      |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ                    | 213          |                    | -                      | -                      |
| 4. Phải thu dài hạn khác                      | 218          |                    | -                      | -                      |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi          | 219          |                    | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                    | <b>220</b>   |                    | <b>183.462.915.371</b> | <b>183.923.272.052</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                   | 221          | V.10               | 696.134.071            | 773.002.101            |
| Nguyên giá                                    | 222          |                    | 1.537.360.605          | 1.537.360.605          |
| Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223          |                    | (841.226.534)          | (764.358.504)          |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính             | 224          |                    | -                      | -                      |
| Nguyên giá                                    | 225          |                    | -                      | -                      |
| Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226          |                    | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                    | 227          | V.11               | -                      | -                      |
| Nguyên giá                                    | 228          |                    | 52.888.000             | 52.888.000             |
| Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229          |                    | (52.888.000)           | (52.888.000)           |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang            | 230          | V.12               | 182.766.781.300        | 183.150.269.951        |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>               | <b>240</b>   |                    | -                      | -                      |
| Nguyên giá                                    | 241          |                    | -                      | -                      |
| Giá trị hao mòn lũy kế                        | 242          |                    | -                      | -                      |
| <b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b> | <b>250</b>   |                    | <b>156.634.160.983</b> | <b>109.138.058.219</b> |
| 1. Đầu tư vào công ty con                     | 251          | V.13               | 87.580.397.038         | 38.423.084.441         |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh    | 252          | V.14               | 28.364.390.000         | 30.380.573.778         |
| 3. Đầu tư dài hạn khác                        | 258          | V.15               | 42.350.583.778         | 40.334.400.000         |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259          | V.16               | (1.661.209.833)        | -                      |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                | <b>260</b>   |                    | <b>155.856.000</b>     | <b>155.856.000</b>     |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                  | 261          |                    | -                      | -                      |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại             | 262          |                    | -                      | -                      |
| 3. Tài sản dài hạn khác                       | 268          | V.17               | 155.856.000            | 155.856.000            |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                      | <b>270</b>   |                    | <b>461.357.791.892</b> | <b>429.718.512.327</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN                                           | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>221.058.596.781</b> | <b>186.098.228.858</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>174.291.694.281</b> | <b>144.075.826.358</b> |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn                               | 311        | V.18        | 18.499.146.047         | 9.500.000.000          |
| 2. Phải trả người bán                               | 312        | V.19        | 51.997.029.667         | 52.370.640.162         |
| 3. Người mua trả tiền trước                         | 313        |             | -                      | -                      |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 314        | V.20        | 363.777.431            | 214.170.679            |
| 5. Phải trả người lao động                          | 315        |             | 273.037.367            | 171.196.290            |
| 6. Chi phí phải trả                                 | 316        | V.21        | 79.853.091             | 79.266.910             |
| 7. Phải trả nội bộ                                  | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318        |             | -                      | -                      |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác       | 319        | V.22        | 103.049.497.296        | 81.666.930.935         |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 320        |             | -                      | -                      |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 323        | V.23        | 29.353.382             | 73.621.382             |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 327        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>46.766.902.500</b>  | <b>42.022.402.500</b>  |
| 1. Phải trả dài hạn người bán                       | 331        |             | -                      | -                      |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ                          | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Phải trả dài hạn khác                            | 333        | V.24        | 46.766.902.500         | 42.022.402.500         |
| 4. Vay và nợ dài hạn                                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                  | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm                    | 336        |             | -                      | -                      |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn                        | 337        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện                         | 338        |             | -                      | -                      |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ             | 339        |             | -                      | -                      |
| <b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                     | <b>400</b> |             | <b>240.299.195.111</b> | <b>243.620.283.469</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                            | <b>410</b> | <b>V.25</b> | <b>240.299.195.111</b> | <b>243.620.283.469</b> |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                        | 411        |             | 264.000.000.000        | 264.000.000.000        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                             | 412        |             | 48.496.600.000         | 48.496.600.000         |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu                          | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Cổ phiếu quỹ                                     | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                  | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                       | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển                            | 417        |             | 1.268.874.614          | 1.268.874.614          |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính                           | 418        |             | 24.751.612             | 24.751.612             |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                    | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối               | 420        |             | (73.491.031.115)       | (70.169.942.757)       |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                | 421        |             | -                      | -                      |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                 | 422        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>               | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Nguồn kinh phí                                   | 432        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định     | 433        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                          | <b>440</b> |             | <b>461.357.791.892</b> | <b>429.718.512.327</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

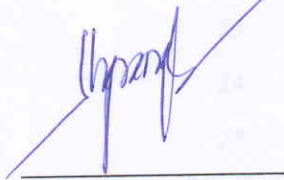
| CHỈ TIÊU                                       | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------------------------------|-------------|------------|------------|
| 1. Tài sản thuê ngoài                          |             | -          | -          |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công |             | -          | -          |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược  |             | -          | -          |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý                         |             | -          | -          |
| 5. Ngoại tệ các loại:                          |             | -          | -          |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án                |             | -          | -          |

Người lập biểu



Nguyễn Hoài Giang

Kế toán trưởng



Nguyễn Hoài Giang

Lập ngày 28 tháng 8 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Khanh

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU                                           | Mã số | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước       |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|
|                                                    |       |             |                 |                 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 1.169.863.727   | -               |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    |             | -               | -               |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    | VI.1        | 1.169.863.727   | -               |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.2        | 1.694.838.354   | -               |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | (524.974.627)   | -               |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.3        | 2.684.233.167   | 5.720.663.006   |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.4        | 2.581.535.811   | (1.672.566.700) |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 505.778.488     | -               |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 24    |             | -               | -               |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 25    | VI.5        | 3.233.601.605   | 2.102.797.205   |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | (3.655.878.876) | 5.290.432.501   |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.6        | 334.791.143     | 14.063.990      |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    |             | 625             | -               |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | 334.790.518     | 14.063.990      |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | (3.321.088.358) | 5.304.496.491   |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | V.20        | -               | -               |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -               | -               |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | (3.321.088.358) | 5.304.496.491   |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.7        | -               | -               |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Hoài Giang

Nguyễn Hoài Giang

Lập ngày 28 tháng 8 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Khanh



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                        | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                 | Năm trước            |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------------------|----------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                               |           |             |                         |                      |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                         | 01        |             | (3.321.088.358)         | 5.304.496.491        |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                                    |           |             |                         |                      |
| - Khấu hao tài sản cố định                                                      | 02        | V.10        | 76.868.030              | 91.582.348           |
| - Các khoản dự phòng                                                            | 03        |             | 746.374.833             | (1.672.566.700)      |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện                             | 04        |             | -                       | -                    |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                   | 05        |             | (1.522.692.613)         | (5.715.645.089)      |
| - Chi phí lãi vay                                                               | 06        | VI.4        | 505.778.488             | -                    |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                | 08        |             | (3.514.759.620)         | (1.992.132.950)      |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                 | 09        |             | 725.786.532             | (10.376.647.895)     |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                       | 10        |             | (836.459.697)           | (137.227.585)        |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả                                                 | 11        |             | 21.261.875.432          | 21.012.685.974       |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                  | 12        |             | -                       | (114.297.891)        |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                           | 13        |             | (506.664.044)           | -                    |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                             | 14        |             | -                       | -                    |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                         | 15        |             | 4.744.500.000           | -                    |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                        | 16        |             | (295.366.582)           | (9.900.000)          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                            | <b>20</b> |             | <b>21.578.912.021</b>   | <b>8.382.479.653</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                  |           |             |                         |                      |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác    | 21        | V.12        | (1.099.129.703)         | (1.230.258.068)      |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22        |             | -                       | -                    |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                         | 23        |             | (6.500.000.000)         | -                    |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                 | 24        |             | 22.300.000.000          | -                    |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                     | 25        |             | (57.089.312.597)        | (87.780.000)         |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                 | 26        |             | 7.932.000.000           | 4.289.977.367        |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                          | 27        |             | 621.502.613             | 5.715.645.089        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                | <b>30</b> |             | <b>(33.834.939.687)</b> | <b>8.687.584.388</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước      |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|----------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính                                                |       |             |                 |                |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu                             | 31    |             | -               | -              |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32    |             | -               | -              |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                                                    | 33    | V.18        | 18.499.146.047  | -              |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay                                                                 | 34    | V.18        | (9.500.000.000) | -              |
| 5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính                                                          | 35    |             | -               | -              |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                 | 36    |             | -               | -              |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                                               | 40    |             | 8.999.146.047   | -              |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm                                                            | 50    |             | (3.256.881.619) | 17.070.064.041 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm                                                           | 60    | V.1         | 5.693.063.573   | 36.969.896.404 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61    |             | -               | -              |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm                                                          | 70    | V.1         | 2.436.181.954   | 54.039.960.445 |

Người lập biểu

Nguyễn Hoài Giang

Kế toán trưởng

Nguyễn Hoài Giang

Lập ngày 28 tháng 8 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Khanh

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Tư vấn, đầu tư.
- Ngành nghề kinh doanh** : Đầu tư, kinh doanh bất động sản, đầu tư tài chính.
- Nhân viên**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Công ty có 24 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 25 nhân viên).

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10            |

### 6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính.

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### 7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

#### 8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### 9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### 10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

#### 11. Nguồn vốn kinh doanh

##### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### **12. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### **13. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

#### **15. Tài sản tài chính**

##### ***Phân loại tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản phải thu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

#### *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### **16. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### **17. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### **18. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                           | <u>Số cuối kỳ</u>    | <u>Số đầu năm</u>    |
|-------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt                                  | 2.266.953.031        | 245.978.869          |
| Tiền gửi ngân hàng                        | 169.228.923          | 3.947.084.704        |
| Các khoản tương đương tiền                | -                    | 1.500.000.000        |
| - Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống | -                    | 1.500.000.000        |
| <b>Cộng</b>                               | <b>2.436.181.954</b> | <b>5.693.063.573</b> |

##### 2. Đầu tư ngắn hạn

|                                                        | <u>Số cuối kỳ</u> |                       | <u>Số đầu năm</u> |                       |
|--------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------|-------------------|-----------------------|
|                                                        | <u>Số lượng</u>   | <u>Giá trị</u>        | <u>Số lượng</u>   | <u>Giá trị</u>        |
| <b>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn</b>                        |                   | <b>10.771.222.000</b> |                   | <b>15.583.022.000</b> |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương   | 93.350            | 2.987.200.000         | 93.350            | 2.987.200.000         |
| Công ty Cổ phần Xây dựng số 2                          | 155               | 1.030.000             | 155               | 1.030.000             |
| Công ty Cổ phần Hà Nội Milk                            | 80                | 1.472.000             | 80                | 1.472.000             |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 7                              | -                 | -                     | 343.700           | 4.811.800.000         |
| Công ty Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Hải Phòng | 100.000           | 1.130.000.000         | 100.000           | 1.130.000.000         |
| Công ty Cổ phần Thép Đình Vũ                           | 94.500            | 4.533.025.000         | 94.500            | 4.533.025.000         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu FOODINCO      | 17.199            | 701.190.000           | 17.199            | 701.190.000           |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải                  | 41.325            | 413.250.000           | 41.325            | 413.250.000           |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng      | 101               | 4.105.000             | 101               | 4.105.000             |
| Công ty Cổ phần Len Hà Đông                            | 28.455            | 999.950.000           | 28.455            | 999.950.000           |
| <b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>                            |                   | <b>29.170.611.810</b> |                   | <b>39.988.194.300</b> |
| Tiền ủy thác đầu tư                                    |                   | 9.170.611.810         |                   | 11.288.194.300        |
| Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 3 tháng              |                   | 20.000.000.000        |                   | 28.700.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                            |                   | <b>39.941.833.810</b> |                   | <b>55.571.216.300</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

|                            | Kỳ này                 |
|----------------------------|------------------------|
| Số đầu năm                 | (3.370.764.000)        |
| Trích lập dự phòng bổ sung | -                      |
| Hoàn nhập dự phòng         | 914.835.000            |
| Số cuối kỳ                 | <u>(2.455.929.000)</u> |

### 4. Phải thu khách hàng

|                            | Số cuối kỳ         | Số đầu năm         |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | 110.000.000        | 110.000.000        |
| Các đối tượng khác         | 103.477.095        | 103.477.095        |
| Cộng                       | <u>213.477.095</u> | <u>213.477.095</u> |

### 5. Trả trước cho người bán

|                                                       | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|-------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ban bồi thường GPMB Thành phố Thái Nguyên             | 8.310.186.208         | 8.310.186.208         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Hà Nội            | 2.598.750.000         | 2.598.750.000         |
| Công ty Cổ phần Kiến trúc Quốc tế                     | 900.000.000           | 900.000.000           |
| Công ty Cổ Phần chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương  | -                     | 670.905.570           |
| Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất                   | 510.000.000           | 510.000.000           |
| Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Thái Nguyên | -                     | 415.000.000           |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thành Nam             | 390.000.000           | 390.000.000           |
| Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh             | 240.843.000           | 240.843.000           |
| Chi nhánh Giống cây nông lâm nghiệp Thái Nguyên       | 214.000.000           | 214.000.000           |
| Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng AST             | 153.000.000           | 153.000.000           |
| Công ty Cổ phần Văn Phú - Invest                      | 885.991.448           | 703.031.448           |
| Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hưng Anh    | 998.999.990           | -                     |
| Các đối tượng khác                                    | 1.813.940.116         | 1.693.569.630         |
| Cộng                                                  | <u>17.015.710.762</u> | <u>16.799.285.856</u> |

### 6. Các khoản phải thu khác

|                                                      | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Dự thu lãi tiền gửi tiết kiệm                        | -                     | 88.156.944            |
| Phải thu các cá nhân ứng tiền phục vụ dự án, đầu tư  | 42.268.028.362        | 38.625.778.362        |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương | 678.500.000           | 678.500.000           |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu Á Thái Bình Dương    | 386.000.000           | 386.000.000           |
| Các khoản phải thu khác                              | 385.986.704           | 385.380.014           |
| Cộng                                                 | <u>43.718.515.066</u> | <u>40.163.815.320</u> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

|                                                               | Số cuối kỳ    | Số đầu năm    |
|---------------------------------------------------------------|---------------|---------------|
| Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán                       | (213.477.095) | (213.477.095) |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên | (213.477.095) | (213.477.095) |
| Cộng                                                          | (213.477.095) | (213.477.095) |

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

|                            | Kỳ này        |
|----------------------------|---------------|
| Số đầu năm                 | (213.477.095) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | -             |
| Hoàn nhập dự phòng         | -             |
| Số cuối kỳ                 | (213.477.095) |

#### 8. Hàng tồn kho

Là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình.

#### 9. Tài sản ngắn hạn khác

|                                            | Số cuối kỳ     | Số đầu năm     |
|--------------------------------------------|----------------|----------------|
| Tạm ứng                                    | 14.307.573.391 | 16.835.510.111 |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 1.361.098.582  | 1.110.000.000  |
| Cộng                                       | 15.668.671.973 | 17.945.510.111 |

#### 10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Là Phương tiện vận tải truyền dẫn | Nguyên giá    | Giá trị hao mòn | Giá trị còn lại |
|-----------------------------------|---------------|-----------------|-----------------|
| Số đầu năm                        | 1.537.360.605 | 764.358.504     | 773.002.101     |
| Tăng trong kỳ                     | -             | 76.868.030      | (76.868.030)    |
| Giảm trong kỳ                     | -             | -               | -               |
| Số cuối kỳ                        | 1.537.360.605 | 841.226.534     | 696.134.071     |

Trong kỳ toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty đang tiếp tục khấu hao, không có tài sản tạm thời chưa sử dụng và chờ thanh lý.

#### 11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| Phần mềm máy tính | Nguyên giá | Giá trị hao mòn | Giá trị còn lại |
|-------------------|------------|-----------------|-----------------|
| Số đầu năm        | 52.888.000 | 52.888.000      | -               |
| Tăng trong kỳ     | -          | -               | -               |
| Giảm trong kỳ     | -          | -               | -               |
| Số cuối năm       | 52.888.000 | 52.888.000      | -               |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

|                                  | Số đầu năm             | Chi phí phát sinh trong kỳ | Kết chuyển giảm khác (*) | Số cuối kỳ             |
|----------------------------------|------------------------|----------------------------|--------------------------|------------------------|
| XDCB dở dang                     | 183.150.269.951        | 1.099.129.703              | (1.482.618.354)          | 182.766.781.300        |
| Khu công nghiệp Đa Hội           | 131.934.125.015        | 40.000.000                 | -                        | 131.974.125.015        |
| Trung tâm thương mại Thái Nguyên | 37.761.891.149         | 98.945.000                 | -                        | 37.860.836.149         |
| Chung cư cao cấp Văn Phú         | 788.346.290            | -                          | -                        | 788.346.290            |
| Dự án Quản lý Chợ Tam Đa         | 6.703.499.345          | 214.775.612                | (1.482.618.354)          | 5.435.656.603          |
| Khu Công nghiệp Diêm Thụy        | 2.301.987.597          | 740.909.091                | -                        | 3.042.896.688          |
| Trung tâm thương mại Bắc Ninh    | 1.112.648.471          | 4.500.000                  | -                        | 1.117.148.471          |
| Thành Phố Công nghệ Cao Hà Nam   | 1.128.806.976          | -                          | -                        | 1.128.806.976          |
| Các dự án khác                   | 1.418.965.108          | -                          | -                        | 1.418.965.108          |
| <b>Cộng</b>                      | <b>183.150.269.951</b> | <b>1.099.129.703</b>       | <b>(1.482.618.354)</b>   | <b>182.766.781.300</b> |

(\*) Phân loại tiền thuê đất và quỹ lương ban quản lý chợ Tam Đa sang ghi nhận giá vốn trong kỳ

#### 13. Đầu tư vào công ty con

|                                                                 | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|-----------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH MTV Châu Á Thái Bình Dương Bắc Ninh <sup>(a)</sup> | 5.634.610.632         | 5.634.610.632         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên <sup>(b)</sup>          | 51.451.117.406        | 29.253.029.809        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế <sup>(c)</sup>             | 30.493.669.000        | 3.534.444.000         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Hà Nam <sup>(d)</sup>               | 1.000.000             | 1.000.000             |
| <b>Cộng</b>                                                     | <b>87.580.397.038</b> | <b>38.423.084.441</b> |

- (a) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 21.1.2.1.000 227 ngày 27 tháng 8 năm 2010 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Châu Á Thái Bình Dương Bắc Ninh 31.723.892.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 5.634.610.632 VND, tương đương 17,76% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH MTV Châu Á Thái Bình Dương Bắc Ninh là 26.089.281.368 VND.
- (b) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 172031000 013 ngày 04 tháng 6 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Thái Nguyên 84.000.000.000 VND, tương đương 84% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty đã đầu tư thêm 22.198.087.597 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 51.451.117.406 VND, tương đương 100% vốn thực góp (số đầu năm là 29.253.029.809 VND, tương đương 100% vốn thực góp). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Thái Nguyên là 32.548.882.594 VND.
- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3301232560, thay đổi lần thứ 1, ngày 26 tháng 4 năm 2011 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Thừa Thiên – Huế cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Apec Land Huế 55.000.000.000 VND, tương đương 55% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty đầu tư thêm 26.959.225.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 30.493.669.000 VND, tương đương 100% vốn thực góp (số đầu năm là 3.534.444.000 VND, tương đương 100% vốn thực góp). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Apec Land Huế là 24.506.331.000 VND.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

- (d) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700609397 ngày 30 tháng 5 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Hà Nam 99.000.000.000 VND, tương đương 99% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 1.000.000 VND, tương đương 100% vốn thực góp. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Hà Nam là 98.999.000.000 VND.

#### 14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

|                                                                             | Số cuối kỳ |                       | Số đầu năm |                       |
|-----------------------------------------------------------------------------|------------|-----------------------|------------|-----------------------|
|                                                                             | Số lượng   | Giá trị               | Số lượng   | Giá trị               |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu Á Thái Bình Dương <sup>(a)</sup>            | -          | -                     | 201.618    | 2.016.183.778         |
| Trường Đại học Tư thục Đông Nam Á <sup>(b)</sup>                            | 57.500     | 575.000.000           | 57.500     | 575.000.000           |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế & Phát triển doanh nghiệp IDJ <sup>(c)</sup> | 6.522.400  | 27.789.390.000        | 6.522.400  | 27.789.390.000        |
| <b>Cộng</b>                                                                 |            | <b>28.364.390.000</b> |            | <b>30.380.573.778</b> |

- (a) Xem thuyết minh số 15 - Đầu tư dài hạn khác

- (b) Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương góp vốn vào Trường Đại học tư thục Đông Nam Á với tỷ lệ phần sở hữu là 23%.

- (c) Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương góp vốn vào công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế & Phát triển doanh nghiệp IDJ với tỷ lệ sở hữu là 20,01%.

#### 15. Đầu tư dài hạn khác

|                                                   | Số cuối kỳ |                       | Số đầu năm |                       |
|---------------------------------------------------|------------|-----------------------|------------|-----------------------|
|                                                   | Số lượng   | Giá trị               | Số lượng   | Giá trị               |
| Đầu tư cổ phiếu                                   |            | 42.350.583.778        |            | 40.334.400.000        |
| Công ty Cổ phần Bất Động Sản Hà Nội               | 602.970    | 40.334.400.000        | 602.970    | 40.334.400.000        |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu Á Thái Bình Dương | 201.618    | 2.016.183.778         | -          | -                     |
| <b>Cộng</b>                                       |            | <b>42.350.583.778</b> |            | <b>40.334.400.000</b> |

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu Á Thái Bình Dương đã được phân loại từ khoản đầu tư Công ty liên kết sang do giảm tỷ lệ sở hữu xuống dưới 20%.

#### 16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản dự phòng đầu tư vào công ty liên kết.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

|                            | Kỳ này                 |
|----------------------------|------------------------|
| Số đầu năm                 | -                      |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (1.661.209.833)        |
| Hoàn nhập dự phòng         | -                      |
| <b>Số cuối kỳ</b>          | <b>(1.661.209.833)</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 17. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

#### 18. Vay và nợ ngắn hạn

|                                              | Số cuối kỳ            | Số đầu năm           |
|----------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng                       | 18.499.146.047        | 9.500.000.000        |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng          | 9.500.000.000         | 9.500.000.000        |
| Ngân hàng TMCP Phương Đông                   | 2.500.000.000         | -                    |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn                       | 2.000.000.000         | -                    |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 4.499.146.047         | -                    |
| Cộng                                         | <u>18.499.146.047</u> | <u>9.500.000.000</u> |

#### Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

|                       | Kỳ này                |
|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm            | 9.500.000.000         |
| Số tiền vay phát sinh | 18.499.146.047        |
| Số tiền vay đã trả    | (9.500.000.000)       |
| Số cuối kỳ            | <u>18.499.146.047</u> |

#### 19. Phải trả người bán

|                                       | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ban Giải phóng mặt bằng thị xã Từ Sơn | 51.941.525.595        | 51.941.525.595        |
| Các đối tượng khác                    | 55.504.072            | 429.114.567           |
| Cộng                                  | <u>51.997.029.667</u> | <u>52.370.640.162</u> |

#### 20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|                                                  | Số đầu năm         | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm  | Số cuối kỳ         |
|--------------------------------------------------|--------------------|-----------------------|----------------------|--------------------|
| Thuế thu nhập cá nhân                            | 214.170.679        | 149.606.752           | -                    | 363.777.431        |
| Tiền thuê đất                                    | -                  | 212.220.000           | (212.220.000)        | -                  |
| Các loại thuế khác                               | -                  | 3.000.000             | (3.000.000)          | -                  |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | -                  | 13.000.000            | (13.000.000)         | -                  |
| Cộng                                             | <u>214.170.679</u> | <u>410.207.337</u>    | <u>(228.220.000)</u> | <u>363.777.431</u> |

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

|                                                                                                          | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                 |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------|
|                                                                                                          | Năm nay                           | Năm trước       |
|                                                                                                          | (3.321.088.358)                   | 5.304.496.491   |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                                                        |                                   |                 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                                   |                 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng                                                                              | 433.354.500                       | -               |
| Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành                                                                   | 481.728.000                       | -               |
| Chi phí không hợp lý, hợp lệ                                                                             | 424.600.000                       | -               |
| - Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức)                                                                     | 57.128.000                        | -               |
|                                                                                                          | (48.373.500)                      | -               |
|                                                                                                          | (2.887.733.858)                   | 5.304.496.491   |
| Thu nhập chịu thuế                                                                                       | -                                 | -               |
| Thu nhập được miễn thuế                                                                                  | -                                 | (5.304.496.491) |
| Lỗi các năm trước được chuyển                                                                            | (2.887.733.858)                   | -               |
| Thu nhập tính thuế                                                                                       | 22%                               | 25%             |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                     | -                                 | -               |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp                                                                      | -                                 | -               |
| Các loại thuế khác                                                                                       |                                   |                 |
| Công ty kê khai và nộp theo quy định.                                                                    |                                   |                 |

21. Chi phí phải trả  
Là chi phí thuê văn phòng

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

|                                                                   | Số cuối kỳ      | Số đầu năm     |
|-------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------|
| Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp                                | 79.704.737      | 67.566.169     |
| Nhận tiền góp vốn vào KCN Đa Hội - Bắc Ninh                       | 73.310.309.180  | 73.310.309.180 |
| Nhận tiền góp vốn vào Khu đô thị Văn Phú                          | -               | 114.350.000    |
| Nhận tiền góp vốn vào Trung tâm Thương mại Thái Nguyên            | 9.087.675.819   | 7.133.671.819  |
| Phải trả Công ty Cổ phần Apec Land Huế về tiền vay không tính lãi | 20.500.000.000  | -              |
| Các khoản phải trả khác                                           | 71.807.560      | 1.041.033.767  |
| Cộng                                                              | 103.049.497.296 | 81.666.930.935 |

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau

|                                | Năm nay      |
|--------------------------------|--------------|
| Số đầu năm                     | 73.621.382   |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | -            |
| Chi quỹ trong kỳ               | (44.268.000) |
| Số cuối kỳ                     | 29.353.382   |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 24. Phải trả dài hạn khác

|                                                                                         | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ký quỹ, ký cược dài hạn                                                                 | 46.766.902.500        | 42.022.402.500        |
| - Khoản đặt cọc tiền nhà của Công ty Cổ phần An Phát Land                               | 46.611.046.500        | 41.866.546.500        |
| - Khoản đặt cọc tiền thuê văn phòng của Công ty TNHH Công nghệ Thông tin Blitz Việt Nam | 155.856.000           | 155.856.000           |
| Cộng                                                                                    | <u>46.766.902.500</u> | <u>42.022.402.500</u> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 25. Vốn chủ sở hữu

#### Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

|                                   | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng            |
|-----------------------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------|-----------------|
| Số đầu năm trước                  | 264.000.000.000           | 48.496.600.000       | 1.268.874.614         | 24.751.612             | (82.055.339.702)                  | 231.734.886.524 |
| Lợi nhuận trong năm trước         | -                         | -                    | -                     | -                      | 11.885.396.945                    | 11.885.396.945  |
| Trích lập các quỹ trong năm trước | -                         | -                    | -                     | -                      | -                                 | -               |
| Số dư cuối năm trước              | 264.000.000.000           | 48.496.600.000       | 1.268.874.614         | 24.751.612             | (70.169.942.757)                  | 243.620.283.469 |
| Số dư đầu năm nay                 | 264.000.000.000           | 48.496.600.000       | 1.268.874.614         | 24.751.612             | (70.169.942.757)                  | 243.620.283.469 |
| Lợi nhuận trong kỳ                | -                         | -                    | -                     | -                      | (3.321.088.358)                   | (3.321.088.358) |
| Trích lập các quỹ trong kỳ        | -                         | -                    | -                     | -                      | -                                 | -               |
| Số dư cuối kỳ này                 | 264.000.000.000           | 48.496.600.000       | 1.268.874.614         | 24.751.612             | (73.491.031.115)                  | 240.299.195.111 |

#### Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

|                      | Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |             | Vốn điều lệ đã đầu tư (VND) | Vốn điều lệ còn phải đầu tư (VND) |
|----------------------|-------------------------------------------|-------------|-----------------------------|-----------------------------------|
|                      | VND                                       | Tỷ lệ (%)   |                             |                                   |
| Ông Nguyễn Đỗ Lăng   | 39.799.220.000                            | 15,08%      | 39.799.220.000              | -                                 |
| Ông Nguyễn Duy Khanh | 5.000.000.000                             | 1,89%       | 5.000.000.000               | -                                 |
| Các cổ đông khác     | 219.200.780.000                           | 83,03%      | 219.200.780.000             | -                                 |
| <b>Cộng</b>          | <b>264.000.000.000</b>                    | <b>100%</b> | <b>264.000.000.000</b>      | <b>-</b>                          |



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### Cổ phiếu

|                                     | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 26.400.000 | 26.400.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành      | 26.400.000 | 26.400.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 26.400.000 | 26.400.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -          | -          |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại      | -          | -          |
| - Cổ phiếu phổ thông                | -          | -          |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -          | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành     | 26.400.000 | 26.400.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 26.400.000 | 26.400.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -          | -          |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

##### 1. Doanh thu

Là doanh thu phí quản lý chợ Tam Đa

##### 2. Giá vốn

Là tiền thuê đất hàng năm và tiền lương của Ban quản lý chợ Tam Đa

##### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

|                             | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|-----------------------------|-----------------------------------|----------------------|
|                             | Năm nay                           | Năm trước            |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn      | 573.129.113                       | 1.810.947.650        |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn   | 62.730.554                        | 5.017.917            |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 48.373.500                        | 3.904.697.439        |
| Lãi các khoản ủy thác       | 2.000.000.000                     | -                    |
| Cộng                        | <b>2.684.233.167</b>              | <b>5.720.663.006</b> |

##### 4. Chi phí tài chính

|                                                       | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|-------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
|                                                       | Năm nay                           | Năm trước              |
| Chi phí lãi vay                                       | 505.778.488                       | -                      |
| Phí giao dịch chứng khoán                             | 230.572.490                       | -                      |
| Lỗ bán cổ phiếu                                       | 1.098.810.000                     | -                      |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn            | 1.661.209.833                     | -                      |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn | (914.835.000)                     | (1.672.566.700)        |
| Cộng                                                  | <b>2.581.535.811</b>              | <b>(1.672.566.700)</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                           | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|---------------------------|-----------------------------------|----------------------|
|                           | Năm nay                           | Năm trước            |
| Chi phí nhân viên quản lý | 1.816.171.790                     | 1.340.874.154        |
| Chi phí khấu hao TSCĐ     | 76.868.030                        | 91.582.348           |
| Thuế, phí và lệ phí       | 19.817.000                        | 3.151.302            |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 176.774.955                       | 130.551.666          |
| Chi phí bằng tiền khác    | 1.143.969.830                     |                      |
| <b>Cộng</b>               | <b>3.233.601.605</b>              | <b>2.102.797.205</b> |

#### 6. Thu nhập khác

|                                               | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                   |
|-----------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------|
|                                               | Năm nay                           | Năm trước         |
| Thu từ cho thuê lại văn phòng                 | 309.815.883                       | -                 |
| Thu tiền điện, nước của đơn vị thuê văn phòng | 14.117.260                        | -                 |
| Thu nhập khác                                 | 10.858.000                        | 14.063.990        |
| <b>Cộng</b>                                   | <b>334.791.143</b>                | <b>14.063.990</b> |

#### 7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
|                                  | Năm nay                           | Năm trước            |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | -                                 | -                    |
| Chi phí nhân công                | 2.708.603.844                     | 1.467.561.739        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 76.868.030                        | 91.582.348           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 176.774.955                       | 141.091.666          |
| Chi phí khác                     | 1.966.193.130                     | 539.789.037          |
| <b>Cộng</b>                      | <b>4.928.439.959</b>              | <b>2.240.024.790</b> |

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

|             | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                    |
|-------------|-----------------------------------|--------------------|
|             | Năm nay                           | Năm trước          |
| Thu nhập    | 596.000.000                       | 671.400.000        |
| <b>Cộng</b> | <b>596.000.000</b>                | <b>671.400.000</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan                                           | Mối quan hệ                   |
|---------------------------------------------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương    | Công ty có cùng chủ tịch HĐQT |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Thái Nguyên                 | Công ty con                   |
| Công ty Cổ phần Apec Land Huế                           | Công ty con                   |
| Công ty TNHH Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương - Bắc Ninh | Công ty con                   |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Hà Nam                      | Công ty con                   |

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

|                                                                   | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |               |
|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------|
|                                                                   | Năm nay                           | Năm trước     |
| <b>Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương (APS)</b> |                                   |               |
| Tiền thuê văn phòng, điện nước phải trả trong kỳ                  | 578.395.515                       | 565.908.946   |
| APS trả lại tiền đặt cọc và tiền thuê nhà tháng 9                 | -                                 | 47.653.526    |
| Bù trừ công nợ với khoản cho APS vay                              |                                   | 565.902.058   |
| Thanh toán thuê văn phòng, điện nước                              | 351.210.831                       | 26.640.570    |
| Điều chỉnh giảm tiền thuê nhà theo phụ lục hợp đồng mới           | -                                 | 112.820.275   |
| Vay ngắn hạn                                                      | -                                 | 6.000.000.000 |
| Trả tiền vay ngắn hạn                                             | -                                 | 6.000.000.000 |
| <b>Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Thái Nguyên</b>                    |                                   |               |
| Phí chuyển tiền                                                   | 990.000                           | -             |
| <b>Công ty Cổ phần Apec Land Huế</b>                              |                                   |               |
| Vay không lãi suất                                                | 20.500.000.000                    | -             |

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

|                                                                   | Số cuối kỳ            | Số đầu năm           |
|-------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| <b>Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương (APS)</b> |                       |                      |
| Tiền điều chỉnh giảm tiền thuê nhà (TK331 dư Nợ)                  | 23.680.082            | 670.905.570          |
| Ủy thác đầu tư                                                    | 305.111.810           | 2.422.694.300        |
| Khoản phải thu khác về lãi cho vay hợp đồng 001/2009              | 678.500.000           | 678.500.000          |
| <b>Cộng nợ phải thu</b>                                           | <b>1.007.291.892</b>  | <b>3.772.099.870</b> |
| <b>Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Thái Nguyên</b>                    |                       |                      |
| Phí chuyển tiền                                                   | 990.000               | -                    |
| <b>Công ty Cổ phần Apec Land Huế</b>                              |                       |                      |
| Vay không lãi suất                                                | 20.500.000.000        | -                    |
| <b>Cộng nợ phải trả</b>                                           | <b>20.500.990.000</b> | <b>-</b>             |

## 2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là đầu tư chứng khoán và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 3. Quản lý rủi ro tài chính

#### Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Tổng Giám đốc phê duyệt.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

#### Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Các khoản phải thu khách khó có khả năng thu hồi được trích lập dự phòng đầy đủ.

#### Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

|                                                                                                                | Chưa quá hạn<br>hay chưa bị<br>giảm giá | Chưa quá<br>hạn nhưng bị<br>giảm giá | Đã quá hạn<br>nhưng không<br>giảm giá | Đã quá hạn<br>và/hoặc bị<br>giảm giá | Cộng                   |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| <b>Số cuối năm</b>                                                                                             |                                         |                                      |                                       |                                      |                        |
| Tiền và các khoản<br>tương đương tiền                                                                          | 2.436.181.954                           | -                                    | -                                     | -                                    | 2.436.181.954          |
| Tài sản tài chính<br>được ghi nhận theo<br>giá trị hợp lý thông<br>qua Báo cáo kết quả<br>hoạt động kinh doanh | 7.782.550.000                           | -                                    | -                                     | 2.988.672.000                        | 10.771.222.000         |
| Các khoản đầu tư<br>nắm giữ đến ngày<br>đáo hạn                                                                | 20.000.000.000                          | -                                    | -                                     | -                                    | 20.000.000.000         |
| Phải thu khách hàng                                                                                            | -                                       | -                                    | -                                     | 213.477.095                          | 213.477.095            |
| Các khoản phải thu<br>khác                                                                                     | 45.235.469.648                          | -                                    | -                                     | -                                    | 45.235.469.648         |
| Tài sản tài chính sẵn<br>sàng để bán                                                                           | 42.350.583.778                          | -                                    | -                                     | -                                    | 42.350.583.778         |
| <b>Cộng</b>                                                                                                    | <b>117.804.785.380</b>                  | <b>-</b>                             | <b>-</b>                              | <b>3.202.149.095</b>                 | <b>121.006.934.475</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

|                                                                                                                | Chưa quá hạn<br>hay chưa bị<br>giảm giá | Chưa quá<br>hạn nhưng bị<br>giảm giá | Đã quá hạn<br>nhưng không<br>giảm giá | Đã quá hạn<br>và/hoặc bị<br>giảm giá | Cộng                   |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| <b>Số đầu năm</b>                                                                                              |                                         |                                      |                                       |                                      |                        |
| Tiền và các khoản<br>tương đương tiền                                                                          | 5.693.063.573                           | -                                    | -                                     | -                                    | 5.693.063.573          |
| Tài sản tài chính<br>được ghi nhận theo<br>giá trị hợp lý thông<br>qua Báo cáo kết quả<br>hoạt động kinh doanh | 7.782.550.000                           | -                                    | -                                     | 7.800.472.000                        | 15.583.022.000         |
| Các khoản đầu tư<br>nắm giữ đến ngày<br>đáo hạn                                                                | 28.700.000.000                          | -                                    | -                                     | -                                    | 28.700.000.000         |
| Phải thu khách hàng                                                                                            | -                                       | -                                    | -                                     | 213.477.095                          | 213.477.095            |
| Các khoản phải thu<br>khác                                                                                     | 41.429.671.320                          | -                                    | -                                     | -                                    | 41.429.671.320         |
| Tài sản tài chính sẵn<br>sàng để bán                                                                           | 40.334.400.000                          | -                                    | -                                     | -                                    | 40.334.400.000         |
| <b>Cộng</b>                                                                                                    | <b>123.939.684.893</b>                  | <b>-</b>                             | <b>-</b>                              | <b>8.013.949.095</b>                 | <b>131.953.633.988</b> |

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

|                         | Từ 1 năm trở<br>xuống  | Trên 1 năm đến 5<br>năm | Trên 5 năm | Cộng                   |
|-------------------------|------------------------|-------------------------|------------|------------------------|
| <b>Số cuối kỳ</b>       |                        |                         |            |                        |
| Vay và nợ               | 18.499.146.047         | -                       | -          | 18.499.146.047         |
| Phải trả người bán      | 51.997.029.667         | -                       | -          | 51.997.029.667         |
| Các khoản phải trả khác | 103.049.645.650        | 46.766.902.500          | -          | 149.816.548.150        |
| <b>Cộng</b>             | <b>173.545.821.364</b> | <b>46.766.902.500</b>   | <b>-</b>   | <b>220.312.723.864</b> |
| <b>Số đầu năm</b>       |                        |                         |            |                        |
| Vay và nợ               | 9.500.000.000          | -                       | -          | 9.500.000.000          |
| Phải trả người bán      | 52.370.640.162         | -                       | -          | 52.370.640.162         |
| Các khoản phải trả khác | 81.679.217.857         | 42.022.402.500          | -          | 123.621.767.266        |
| <b>Cộng</b>             | <b>185.572.260.519</b> | <b>42.022.402.500</b>   | <b>-</b>   | <b>185.492.407.428</b> |

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty là rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### **Rủi ro về giá chứng khoán**

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán Công ty đang đầu tư tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ tăng/giảm 2.816.161.530 VND (cùng kỳ năm trước tăng/giảm 3.769.487.610 VND), do giảm dự phòng và giảm thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp.

#### **Tài sản đảm bảo**

Công ty thế chấp 3 khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn để đảm bảo cho khoản vay của ngân hàng Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (xem thuyết minh số V.18). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 10.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 10.000.000.000 VND).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

#### **4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

##### **Tài sản tài chính**

|                                                                                                    | Giá trị ghi sổ         |                        |                        |                        | Giá trị hợp lý         |                        |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                                                                    | Số cuối kỳ             |                        | Số đầu năm             |                        | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|                                                                                                    | Giá gốc                | Dự phòng               | Giá gốc                | Dự phòng               |                        |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền                                                                 | 2.436.181.954          | -                      | 5.693.063.573          | -                      | 2.436.181.954          | 5.693.063.573          |
| Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 10.771.222.000         | (2.455.929.000)        | 15.583.022.000         | (3.370.764.000)        | 8.315.293.000          | 12.212.258.000         |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                                                          | 20.000.000.000         | -                      | 28.700.000.000         | -                      | 20.000.000.000         | 28.700.000.000         |
| Phải thu khách hàng                                                                                | 213.477.095            | (213.477.095)          | 213.477.095            | (213.477.095)          | -                      | -                      |
| Các khoản phải thu khác                                                                            | 45.235.469.648         | -                      | 41.429.671.320         | -                      | 45.235.469.648         | 41.429.671.320         |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán                                                                  | 42.350.583.778         | -                      | 40.334.400.000         | -                      | 42.350.583.778         | 40.334.400.000         |
| <b>Cộng</b>                                                                                        | <b>121.006.934.475</b> | <b>(2.669.406.095)</b> | <b>131.953.633.988</b> | <b>(3.584.241.095)</b> | <b>118.337.528.380</b> | <b>128.369.392.893</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### Nợ phải trả tài chính

|                         | Giá trị ghi sổ         |                        | Giá trị hợp lý         |                        |
|-------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                         | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
| Vay và nợ               | 18.499.146.047         | 9.500.000.000          | 18.499.146.047         | 9.500.000.000          |
| Phải trả người bán      | 51.997.029.667         | 52.370.640.162         | 51.997.029.667         | 52.370.640.162         |
| Các khoản phải trả khác | 149.816.548.150        | 123.701.620.357        | 149.816.548.150        | 123.701.620.357        |
| <b>Cộng</b>             | <b>220.312.723.864</b> | <b>185.572.260.519</b> | <b>220.312.723.864</b> | <b>185.572.260.519</b> |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

#### 5. Những thông tin khác

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lấy theo Báo cáo giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoài Giang

Nguyễn Hoài Giang

Nguyễn Duy Khanh

